

Số: **41** /2020/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày **04** tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ công tác tổ chức quản lý,
khai thác, bảo trì các công trình kết cấu hạ tầng cấp xã
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHOÁ XV - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Xét Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 230/BC-BDT ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ công tác tổ chức quản lý, khai thác, bảo trì các công trình kết cấu hạ tầng cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khoá XV- Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 87/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ công tác tổ chức quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020./. *ly*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực VII;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các Đoàn thể;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Chuyên viên;
- Công báo Lào Cai; Công TTĐT tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *ly*

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ công tác tổ chức quản lý, khai thác,
bảo trì các công trình kết cấu hạ tầng cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: **41** /2020/NQ-HĐND
ngày **04** tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các công trình kết cấu hạ tầng được hưởng chính sách theo Nghị quyết này là các công trình do cấp xã quản lý hoặc phối hợp với chủ thể khác quản lý, gồm:

1. Công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu.
2. Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn.
3. Công trình giao thông nông thôn;
4. Công trình kè chống sạt lở bờ sông, suối không gắn với đường giao thông.
5. Công trình Trường học (trừ các trường THPT, trường ngoài công lập, trường dạy nghề); Hội trường kiêm Nhà văn hoá trung tâm cấp xã.
6. Công trình chợ hạng 3 khu vực nông thôn.
7. Nghĩa trang trung tâm xã.
8. Công trình khu thể thao xã (mỗi xã một công trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, khai thác, bảo trì các công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn cấp xã.
2. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ công tác quản lý, khai thác, bảo vệ công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn cấp xã.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Mỗi công trình phải được giao cho 01 tổ chức, cá nhân cụ thể chịu trách nhiệm vận hành, bảo trì, bảo vệ.
2. Nhà nước chỉ hỗ trợ công tác tổ chức quản lý, khai thác, bảo trì cho các công trình đầu tư bằng nguồn ngân sách Nhà nước hoặc nguồn tài trợ phục vụ công cộng theo các chương trình, dự án sau đầu tư kể từ thời gian đã hết thời hạn bảo hành công trình.
3. Mức hỗ trợ được phân thành mức hỗ trợ khoán gọn và mức hỗ trợ có điều tiết chung.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác.

2. Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh, huyện, xã.
3. Nguồn thu đóng góp của đối tượng được hưởng lợi theo quy định của pháp luật cho từng loại hình công trình.
4. Nguồn kinh phí xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Công trình thủy lợi tưới tiêu:

a) Mức hỗ trợ cho công tác quản lý, khai thác, bảo trì công trình:

Bảng 1

TT	Loại hình hỗ trợ	ĐVT	Mức hỗ trợ kinh phí cho các diện tích đất thuộc diện hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích			
			Đất trồng lúa tưới bằng trọng lực	Đất trồng lúa tưới bằng động lực kết hợp trọng lực	Đất trồng rau, màu, mạ tưới bằng trọng lực	Đất nuôi trồng thủy sản
1	Xã có tỷ lệ Km kênh/ diện tích nhỏ hơn bằng 0,1	triệu đồng/ha	0,590	0,716	0,236	1,163
2	Xã có tỷ lệ Km kênh/ diện tích nhỏ hơn bằng 0,2 và lớn hơn 0,1	triệu đồng/ha	0,622	0,756	0,249	1,227
3	Xã có tỷ lệ Km kênh/ diện tích lớn hơn 0,2	triệu đồng/ha	0,655	0,796	0,262	1,292

Mức hỗ trợ chi cho hoạt động Ban quản lý công trình hạ tầng cấp xã: 5% tổng kinh phí được cấp theo định mức nêu trong bảng 1 cho địa phương;

Mức hỗ trợ chi cho công tác bảo trì công trình thủy lợi: 95% tổng kinh phí được cấp tính theo định mức nêu trong bảng 1 cho địa phương.

b) Mức chi khoán gọn cho quản lý đập, hồ chứa nước thuộc diện phạm vi điều chỉnh của Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ: 200.000đ/1.000m³/năm.

Mức chi khoán gọn đối với công tác tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý thủy nông và công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, 5% tổng kinh phí Trung ương cấp, trong đó cấp tỉnh 1%, cấp huyện 4%.

2. Công trình cấp nước tập trung:

Mức hỗ trợ cho công tác sửa chữa thường xuyên công trình cấp nước sinh hoạt tập trung cấp xã khoán thu tiền sử dụng nước là 10.000 đồng/người/năm tính theo số người được cấp nước thực tế *(có điều tiết chung trong phạm vi cấp xã trong trường hợp cấp xã trực tiếp quản lý, khai thác công trình; điều tiết chung trong phạm vi đơn vị quản lý, khai thác công trình đối với khoản hỗ trợ cho các công trình được giao quản lý)*.

Ngoài mức hỗ trợ trên, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung còn được hỗ trợ 01 lần trang bị 01 bộ dụng cụ sửa chữa đường ống. Chủ đầu tư công trình có trách nhiệm trang bị từ nguồn kinh phí xây dựng công trình *(công trình đã xây dựng nhưng chưa được trang bị thì đơn vị quản lý, khai thác công trình tự trang bị)*.

3. Công trình giao thông nông thôn:

a) Mức hỗ trợ cho công tác quản lý, khai thác, bảo trì công trình theo bảng sau:

TT	Loại đường	Mức hỗ trợ (đ/km)
1	Đường xã, liên thôn mặt bê tông xi măng	3.000.000
2	Đường xã, liên thôn rải mặt cấp phối	3.000.000
3	Đường trục thôn mặt đường bê tông xi măng	1.200.000
4	Đường trục thôn mặt đường cấp phối	1.200.000

b) Cầu, ngầm tràn đã được kiên cố hóa trên các tuyến đường trục xã, đường từ xã tới các thôn, đường liên thôn, đường trục thôn, đường trục chính nội đồng: 180.000 đồng/m/năm (tính theo mét dài).

c) Các tuyến đường giao thông nông thôn và công trình cầu ngầm khác của xã, thôn bản do huyện, xã tự vận động kinh phí và đóng góp của người dân tham gia bảo dưỡng đảm bảo đi lại thuận tiện.

4. Công trình kè bảo vệ bờ sông, suối: Mức hỗ trợ cho công tác quản lý, khai thác, bảo trì, cụ thể:

a) Kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới, sông nội địa: 10 triệu đồng/km/năm.

b) Kè bảo vệ bờ suối nội địa: 03 triệu đồng/km/năm.

5. Đối với công trình Trường học *(trừ các trường PTTH, trường ngoài công lập, trường dạy nghề)*, Hội trường kiêm Nhà văn hóa trung tâm cấp xã: Mức hỗ trợ cho công tác quản lý, khai thác, bảo trì: 7.000 đồng/m² xây dựng cho nhà 01 tầng; 9.000 đồng/m² sàn nhà 2 tầng trở lên.

6. Công trình chợ hạng 3 khu vực nông thôn: Mức hỗ trợ cho công tác sửa chữa thường xuyên: 05 triệu đồng/chợ đang hoạt động/năm ngoài nguồn thu được để lại theo quy định *(có điều tiết chung trong cấp huyện, tuy nhiên sau điều tiết không vượt quá 20 triệu/chợ đang hoạt động/năm)*.

7. Công trình nghĩa trang trung tâm cấp xã: Mức hỗ trợ là 3,5 triệu đồng/nghĩa trang/năm.

8. Công trình khu thể thao xã (*mỗi xã một công trình*): Mức hỗ trợ cho công tác quản lý, khai thác, bảo trì công trình là 03 triệu đồng/công trình/năm.

9. Các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện được hỗ trợ kinh phí kiểm tra, giám sát, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý theo dự toán kế hoạch được giao hàng năm.

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong